

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: **93/2021/DS-ST**

Ngày: 24-02-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Liễu

2. Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 258/2020/TLST-DS ngày 24/06/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 05/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐST-DS ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ** (Tên viết tắt: **DAB**)

Trụ sở chính: 130 Phan Đăng L, Phường L, quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Minh T**, sinh năm: 1967 – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Võ Minh T ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Thanh T1**, sinh năm: 1966 – Chức danh: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. (Quyết định ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HHĐQT ngày 27/04/2016)

Ông Nguyễn Thanh T1 ủy quyền lại cho: Ông **Vũ Quang H**, sinh năm: 1988 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Chi nhánh Quận K – Phòng giao dịch C; Địa chỉ: C14/19 Quốc lộ 1A, xã T, huyện B, Thành phố H. (Quyết định ủy quyền số 941/QĐ-DAB-PC ngày 16/8/2018) (Ông H vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Kim T2**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 10/24A ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố H. (Bà T vắng mặt tại phiên tòa)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: B1/353 tổ 1, ấp 2, xã B, huyện B, Thành phố H. (Ông T3 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện ngày 09/06/2020; đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 03/07/2020; các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có người đại diện theo ủy quyền là ông **Vũ Quang H** trình bày:*

Ngày 17/10/2016, Bà Nguyễn Thị Kim T2 có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ – Phòng giao dịch C với nội dung cụ thể như sau:

- Đợt vay số: 0132078001T16041
- Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai chục triệu đồng)
- Lãi suất: 9%/ năm
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Mục đích vay: Buôn bán
- Ngày cho vay: 17/10/2016
- Ngày đáo hạn: 17/10/2017

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/02/2021 là 6.343.570 đồng (Bằng chữ: Sáu triệu, ba trăm bốn mươi ba ngàn, năm trăm bảy mươi đồng). Trong đó:

- Vốn: 1.713.845 đồng;
- Lãi trong hạn: 346.155 đồng;
- Lãi quá hạn: 4.283.570 đồng.

Trong quá trình thực hiện giao dịch tín dụng, Bà Nguyễn Thị Kim T2 – cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 (là người bảo lãnh theo Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ) đã không thực hiện đúng cam kết thanh toán nợ và lãi vay theo các điều khoản đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch C. Mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch C đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho thanh toán nợ vay nhưng bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Nguyễn Văn T3 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị Kim T2 trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 24/02/2021 là 6.343.570 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/02/2021 đến khi bà Nguyễn Thị Kim T2 hoàn tất nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T2 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, ông Nguyễn Văn T3 phải thực hiện trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tổng số nợ còn thiếu (gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, vốn) tính đến ngày 24/02/2021 là 6.343.570 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/02/2021 đến khi bà Nguyễn Thị Kim T2 hoàn tất nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Q, huyện B, Thành phố H xác nhận “Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm: 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 10/24A ấp 2, xã Q, huyện B, Thành phố H. Đương sự T2 hiện đang sinh sống tại địa phương”. Đây cũng là địa chỉ mà đương sự cung cấp cho bên ngân hàng và ghi trên hợp đồng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Vũ Quang H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Hiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Nguyễn Thị Kim T2 và ông Nguyễn Văn T3 nhưng bà T2, ông T3 vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T2, ông T3 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi tính đến ngày 24/02/2021 là 6.343.570 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày 25/2/2020 đến khi bà T2 hoàn tất nghĩa vụ nợ tại ngân hàng; trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T2 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, ông Nguyễn Văn T3 phải thực hiện trả nợ thay cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ nợ vay tại ngân hàng.

[6] Còn bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3, mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bà T2, ông T3 vẫn vắng mặt. Vì vậy, bà T2, ông T3 đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[7] Qua xem xét Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ đợt vay số 41 ngày vay 17/10/2016 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ và bà Nguyễn Thị Kim T2 là phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ ngày 17/10/2017 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Kim T2 có cơ sở xác định bà T2 đã nhận số tiền 20.000.000 đồng từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Căn cứ Bản sao kê hoạt động của khách hàng vay, lịch sử thanh toán và lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định tính đến ngày 24/02/2021 bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc còn lại là 1.713.845 đồng, lãi trong hạn là 346.155 đồng, lãi quá hạn là 4.283.570 đồng, tổng cộng là 6.343.570 đồng.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 0301442379; Giấy phép thành lập công ty số 135/GP-UB ngày 06/4/1992; Giấy phép hoạt động số 0009/NH-GP ngày 27/3/1992 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ là tổ chức tín dụng, vì vậy theo quy định tại khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Do đó, từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số nợ gốc còn lại là 1.713.845 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn của hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 24/2/2021 là 4.629.725 đồng, tổng cộng số tiền bà T2 phải thanh toán là 6.343.570 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 25/2/2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ.

[9] Về yêu cầu buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà T2 trong trường hợp bà T2 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho đến khi hoàn tất nghĩa vụ vay với Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, tại mục I.2 thông tin người bảo lãnh có ghi thông tin người đứng bảo lãnh cho khoản vay của bà Nguyễn Thị Kim T2 là ông Nguyễn Văn T3, và tại mục IV phần cam kết của người bảo lãnh ông Nguyễn Văn T3 có ký xác nhận *“Tôi cam kết trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T2 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho DongA Bank, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại DongA Bank”*

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 339, Điều 342 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì trong trường hợp này ông Nguyễn Văn T3 sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có có nghĩa vụ (bà T2) nếu trong trường hợp khi đến hạn thanh toán mà bà T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 317.179 đồng; nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 336, Điều 336, Điều 339, Điều 342, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 92, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/02/2021 là 6.343.570 đồng (Sáu triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 25/02/2021, bà Nguyễn Thị Kim T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Kim T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, ông Nguyễn Văn T3 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho bà Nguyễn Thị Kim T2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 317.179 đồng (Ba trăm mười bảy nghìn một trăm bảy mươi chín đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0079512 ngày 16/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



Trần Thị Hồng Cẩm